

Phụ lục số 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số/2025/TT-BCT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(Tên Cơ sở CNNT)

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm ...

PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

Kính gửi: Hội đồng bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

1. Tên cơ sở công nghiệp nông thôn

Tên viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa có dấu):

.....

Tên viết tắt (nếu có): Mã số (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính:

.....

Họ và tên người đại diện theo pháp luật:

Chức danh:

Điện thoại: Fax:

Email:..... Website:

Cơ sở công nghiệp nông thôn thuộc trong các loại hình sau:

☐ Công ty cổ phần

☐ Doanh nghiệp tư nhân

☐ Công ty TNHH

☐ Hợp tác xã

☐ Cơ sở sản xuất

☐ Hộ kinh doanh

☐ Khác (ghi rõ loại hình):

Tài khoản số: Chủ tài khoản:

Mở tại ngân hàng: Chi nhánh:

2. Thông tin về chi nhánh (nếu có)

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh:

3. Thông tin về địa điểm sản xuất

Tên địa điểm sản xuất: (nếu nằm ngoài trụ sở chính và chi nhánh)

Địa chỉ địa điểm sản xuất:

Các văn bản, giấy tờ liên quan đến địa điểm sản xuất:

4. Ngành, nghề kinh doanh chính

Số đăng ký kinh doanh, Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Hộ kinh doanh:

Ngày cấp, nơi cấp:

Các ngành, nghề kinh doanh chính

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Quy mô vốn, tài sản và lao động

Vốn đăng ký kinh doanh (bằng số; VNĐ):

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

Vốn pháp định (đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ):

Tổng nguồn vốn:

Tổng doanh thu năm trước liền kề:

Tổng số lao động hiện đang sử dụng:

Trong đó: Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm trước liền kề:

Thu nhập bình quân lao động (bằng số VNĐ/người):

6. Tình hình chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước

Các giải thưởng: Huân huy chương, Bằng khen, Giấy khen, giấy chứng nhận đã đạt được:

- ☐ Đáp ứng đầy đủ các điều kiện về sản xuất, kinh doanh theo luật định;
- ☐ Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ khác theo luật định;
- ☐ Tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường; đảm bảo các quyền lợi đối với người lao động;
- ☐ Khác (ghi chi tiết):

Sau khi tìm hiểu về Chương trình bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, chúng tôi tự nguyện đăng ký sản phẩm tham gia bình chọn như sau:

7. Tên sản phẩm hoặc bộ sản phẩm:

.....

Sản phẩm đăng ký bình chọn thuộc một trong các nhóm sản phẩm sau:

☐ Thủ công mỹ nghệ ☐ Chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm

☐ Nhóm sản phẩm về thiết bị, máy móc, dụng cụ, phụ tùng cơ khí và các sản phẩm công nghiệp khác phục vụ sản xuất hoặc tiêu dùng

Chúng tôi cam kết là chủ sở hữu hợp pháp của sản phẩm, bộ sản phẩm nêu trên; sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường; thực hiện đầy đủ quy định của Hội đồng bình chọn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác đối với các tài liệu, thông tin được cung cấp, kê khai trong hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu./.

Đại diện

Cơ sở công nghiệp nông thôn

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

Phụ lục số 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BCT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(Tên Cơ sở CNNT)

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THUYẾT MINH, MÔ TẢ GIỚI THIỆU SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:

Địa chỉ:

Người đại diện: ; Chức
vụ:

Điện thoại:.....; Email:.....

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên sản phẩm:

Sản phẩm đăng ký bình chọn thuộc một trong các nhóm sau:

☐ Thủ công mỹ nghệ ☐ Chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm

☐ Nhóm sản phẩm về thiết bị, máy móc, dụng cụ, phụ tùng cơ khí và các sản phẩm công
nghiệp khác phục vụ sản xuất hoặc tiêu dùng

Kích cỡ (dài, rộng, cao):

Trọng lượng sản phẩm (kg):

Ký hiệu sản phẩm (nếu có):

Tính năng, công dụng chính của sản phẩm:

Sản phẩm có thể truy xuất nguồn gốc:.....

II. NỘI DUNG THÔNG TIN CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN SẢN PHẨM

Tùy vào từng loại sản phẩm, thực tế sản xuất kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông
thôn, nêu tóm tắt một số nội dung sau:

1. Quy mô sản xuất, kinh doanh và thị trường tiêu thụ

1.1. Quy mô sản xuất và kinh doanh:

Số lượng sản phẩm sản xuất/năm:.....

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:.....

Trong đó: Số lượng sản phẩm xuất khẩu/năm:.....

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:.....

Doanh thu của sản phẩm/năm:.....

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:.....

Trong đó: Doanh thu của sản phẩm xuất khẩu/năm (nếu có):.....

Năm trước năm bình chọn..... Năm tham gia bình chọn:.....

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn:.....

Nộp ngân sách nhà nước (năm trước và dự kiến năm hiện tại):.....

Nguyên vật liệu chính sử dụng sản xuất sản phẩm:.....

Tỉ lệ nguyên vật liệu chính sử dụng trong nước.....%.

Tỉ lệ nguyên vật liệu chính sử dụng nhập khẩu.....%.

Tỷ lệ nguyên vật liệu tái tạo được sử dụng.....%.

Đánh giá năng lực, hiệu quả sản xuất kinh doanh sản phẩm:

☐ Đáp ứng được nhu cầu, thị hiếu của thị trường và người tiêu dùng

☐ Có khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu

☐ Có khả năng sản xuất với số lượng lớn

☐ Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm

☐ Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác

☐ Năng lực phát triển sản xuất theo mô hình kinh doanh phát triển bền vững; mô hình kinh doanh áp dụng kinh tế tuần hoàn

☐ Đạt giải thưởng chất lượng hoặc thương hiệu trong và ngoài nước

☐ Đánh giá khác (*ghi chi tiết*):...

Tóm tắt quy trình, công nghệ sản xuất sản phẩm:

.....
.....
.....
.....

Đánh giá trình độ công nghệ, thiết bị đang sản xuất sản phẩm.

☐ Công nghệ, thiết bị hiện đại; có khả năng tự động hóa trong sản xuất sản phẩm

☐ Công nghệ, thiết bị sản xuất sản phẩm đồng bộ, phù hợp với năng lực sản xuất của doanh nghiệp

☐ Công nghệ, thiết bị ít tiêu hao năng lượng, nhiên liệu khi vận hành sản xuất

☐ Công nghệ, thiết bị sản xuất giảm thiểu gây hại môi trường

☐ Đánh giá khác (ghi chi tiết):.....
.....
.....

2.2. Về thị trường tiêu thụ:

Thị trường tiêu thụ sản phẩm:

Tỉ lệ sản phẩm tiêu thụ tại thị trường trong nước.....%.

Tỉ lệ sản phẩm tiêu thụ tại thị trường ngoài nước.....%.

Các kênh phân phối sản phẩm:

Đánh giá tiềm năng, mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường:

.....
.....
.....

Đánh giá khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu (nếu có):

.....
.....

2. Bảo vệ môi trường

Nêu tóm tắt tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất sản phẩm

.....
.....
.....

3. Tính văn hóa, tính thẩm mỹ của sản phẩm

Đánh giá mức độ thể hiện tính đặc thù văn hóa dân tộc:.....

Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hóa của sản phẩm:.....

Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo; hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp:.....

4. Một số nội dung khác

Các chứng nhận liên quan: Quy định đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn thuộc nhóm ngành sản xuất có điều kiện theo quy định pháp luật; (ví dụ: Giấy phép sản xuất; Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm,...).

Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận:

.....
Các giải thưởng, bằng khen, giấy chứng nhận,...đã đạt được:

.....
.....
Tình hình thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước:.....

Tham gia các hoạt động công ích xã hội:.....

Đánh giá các tác động xã hội khác (nếu có):.....
.....
.....

III. Danh mục tài liệu minh chứng gửi kèm

Tên tài liệu	Cơ quan cấp	Ngày cấp	Hiệu lực đến
			
			
			
			
			
			

(Các bản sao hợp lệ tài liệu kèm theo)

IV. TỰ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN

.....
.....
.....

Đại diện

Cơ sở công nghiệp nông thôn

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

Phụ lục số 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BCT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TIÊU CHÍ BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

TT	Nội dung chỉ tiêu đánh giá		Điểm tối đa
I	Tiêu chí về năng lực phát triển sản xuất và phát triển theo nhu cầu thị trường		40
1	Năng lực phát triển sản xuất	- Khả năng áp dụng công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại vào sản xuất. - Quy mô sản xuất; khả năng sản xuất hàng loạt, số lượng lớn - Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác. - Khả năng sử dụng nguyên, vật liệu trong nước, nguyên vật liệu tái tạo. - Năng lực tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm. - Năng lực phát triển sản xuất theo mô hình kinh doanh phát triển bền vững; mô hình kinh doanh áp dụng kinh tế tuần hoàn.	
2	Năng lực phát triển theo nhu cầu thị trường	- Mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước. - Đạt giải thưởng chất lượng hoặc thương hiệu trong và ngoài nước. - Khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu.	
II	Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường		40
1	Về Kinh tế	- Hiệu quả kinh tế sản xuất kinh doanh sản phẩm. - Doanh thu sản xuất kinh doanh sản phẩm. - Thị trường phân phối sản phẩm trong, ngoài nước. - Đánh giá các chỉ tiêu kinh tế khác.	
2	Về Kỹ thuật	- Trình độ công nghệ, thiết bị sản xuất. - Chất lượng, mẫu mã, nhận diện sản phẩm. - Khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định. - Truy xuất nguồn gốc nguyên, vật liệu và sản phẩm. - Sản phẩm có tính năng mới. - Hệ thống quản lý sản xuất và chất lượng sản	

		phẩm (ISO, HACCP, GMD, OHSAS 18001, BRC, FSSC 22000, ...). - Chất lượng lao động tham gia sản xuất.	
3	Về Xã hội	- Khả năng thu hút, giải quyết được việc làm cho lao động. - Thu nhập bình quân của người lao động. - Đánh giá các tác động xã hội khác.	
4	Về Môi trường	Đánh giá tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất. Đạt chứng nhận trong nước/quốc tế liên quan đến phát triển bền vững	
III	Tiêu chí về tính văn hóa, tính thẩm mỹ		10
1	Tính văn hóa	- Mức độ thể hiện tính đặc thù văn hóa dân tộc. - Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hóa của sản phẩm.	
2	Tính thẩm mỹ	Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo, hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp.	
IV	Các tiêu chí khác		10
1	Các chứng nhận liên quan đến chất lượng sản phẩm	Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận. Các chứng nhận, chứng chỉ đủ điều kiện lưu hành sản phẩm	
2	Các giải thưởng, khen thưởng	Các giải thưởng, bằng khen, giấy khen... đã đạt được.	
3	Thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và các hoạt động công ích xã hội.	- Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước. - Tham gia các hoạt động công ích xã hội.	
Tổng điểm			100

Ghi chú:

1. Căn cứ từng nhóm sản phẩm, đặc tính của sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn, thực tế từng kỳ bình chọn Trưởng Ban giám khảo có thể đề xuất Chủ tịch Hội đồng bình chọn các cấp quyết định (hoặc điều chỉnh) cụ thể nội dung các tiêu chí trên và khung điểm tương ứng để đánh giá, chấm điểm cho phù hợp.

2. Sản phẩm tham gia các cấp bình bình chọn được xem xét, công nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã nếu đạt từ 65 điểm trở lên, cấp tỉnh nếu đạt từ 75 điểm trở lên, cấp quốc gia nếu đạt từ 85 điểm trở lên.

Phụ lục số 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số/2025/TT-BCT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Tên Hội đồng bình chọn

**PHIẾU CHẤM ĐIỂM
SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

Tên sản phẩm:.....

Nhóm sản phẩm:

Mã số bình chọn:

Họ và tên giám khảo:.....

Chức vụ/Học hàm:.....

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm bình chọn	Ghi chú
1	Tiêu chí về năng lực phát triển sản xuất và phát triển theo nhu cầu thị trường	40		
2	Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường	40		
3	Tiêu chí về tính văn hoá, tính thẩm mỹ	10		
4	Một số tiêu chí khác	10		
	Tổng cộng	100		

Nhận xét:.....

.....

.....

.....

....., ngàytháng.....năm.....

Thành viên Ban giám khảo

(ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 5

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BCT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

Tên Cơ quan, đơn vị:

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG
SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG
NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU CẤP.....**

TT	Tên sản phẩm	Cơ sở công nghiệp nông thôn	Địa chỉ	Ghi chú

....., ngày.....tháng.....năm....

Thủ trưởng cơ quan/đơn vị

(ký tên và đóng dấu)

Phụ lục số 6

(Ban hành kèm theo Thông tư số/2025/TT-BCT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Tên Cơ quan, đơn vị:

DANH MỤC TÀI LIỆU

I. SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ 1

- Tên sản phẩm đăng ký:.....
- Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:

TT	Tên tài liệu	Số hiệu	ký	Ngày/tháng/năm ban hành	Thời hạn hiệu lực (nếu có)	Ghi chú

I. SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ 2

- Tên sản phẩm đăng ký:.....
- Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:

TT	Tên tài liệu	Số hiệu	ký	Ngày/tháng/năm ban hành	Thời hạn hiệu lực (nếu có)	Ghi chú

(Tên cơ quan, đơn vị)..... đã kiểm tra, đối chiếu xác định tính pháp lý của các tài liệu theo danh mục nêu trên đảm bảo theo quy định của pháp luật hiện hành.

....., ngày.....tháng.....năm....
Thủ trưởng cơ quan/đơn vị
(ký tên và đóng dấu)

Phụ lục số 7

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2025/TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Tên Cơ quan, đơn vị

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU NĂM

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

- Tổng số đơn vị hành chính cấp xã:
- Số xã tổ chức bình chọn:
- Số xã có sản phẩm đăng ký bình chọn:

Nội dung	Cấp xã	Cấp tỉnh	Ghi chú
Số cơ sở CNNT tham gia	...	...	...
Số sản phẩm đăng ký	...	...	...
Số sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận			
Trong đó:			
- Nhóm sản phẩm thủ công mỹ nghệ			
- Nhóm sản phẩm chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm			
- Nhóm sản phẩm về thiết bị, máy móc, dụng cụ, phụ tùng cơ khí và các sản phẩm công nghiệp khác phục vụ sản xuất hoặc tiêu dùng			

II. KẾT QUẢ/KẾ HOẠCH HỖ TRỢ CÁC CƠ SỞ CNNT CÓ SẢN PHẨM ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

III. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM (là năm sau liền kề năm báo cáo)

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

....., ngày.....tháng.....năm....

Thủ trưởng cơ quan/đơn vị

(ký tên và đóng dấu)

Phụ lục số 8

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BCT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

QUY ĐỊNH VỀ GIẤY CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

I. QUY ĐỊNH CHUNG CỦA MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

1. Hình thức: xung quanh trang trí hoa văn, chính giữa phía trên, dưới Quốc hiệu là biểu trưng (logo) của Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

2. Biểu trưng - Logo của Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu. Bao gồm: hình ảnh của bánh răng công nghiệp (màu nâu đỏ) được cách điệu như một bông hoa trên nền đan xen của những chiếc lá (màu xanh), tổng thể được đặt trong một hình tròn. Xung quanh nửa dưới hình tròn có hàng chữ “**SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**” (màu xanh). Vị trí trung tâm bố trí hình tượng ngôi sao, số lượng biểu tượng hình sao tương ứng với mỗi cấp bình chọn, cụ thể: Cấp xã: 1 (một) hình sao; cấp tỉnh 02 (hai) hình sao; cấp quốc gia 4 (bốn) hình sao. Mã màu sử dụng: Green (1): C35.M0.Y100.K0; Green (2): C100.M0.Y: 100.K: 40; Brich Red: C20.M70.Y100.K0



Cấp xã



Cấp tỉnh



Cấp quốc gia

3. Nội dung: dòng thứ nhất, thứ hai: Quốc hiệu “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Độc lập - Tự do - Hạnh phúc”; ngay dưới, chính giữa là biểu tượng Quốc huy Việt Nam; dòng thứ 3 chức danh người ký (chữ in hoa, màu đỏ); dòng thứ 4 tên đơn vị ký chứng nhận (chữ in hoa, màu đen); dòng thứ 5 “CHỨNG NHẬN” (chữ in hoa, màu đỏ); dòng thứ 6: SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU; dòng thứ 7: CẤP...- NĂM 20... (chữ in hoa, màu đỏ); dòng thứ 8: TÊN SẢN PHẨM: ghi tên sản phẩm; dòng thứ 9: ĐƠN VỊ SẢN XUẤT: ghi tên đơn vị sản xuất sản phẩm; dòng thứ 10: ĐỊA CHỈ: ghi địa chỉ của đơn vị sản xuất sản phẩm. Phía dưới bên phải các nội dung: địa danh, ngày ... tháng ... năm ... ; chức danh người ký và khoảng trống 30 mm để ký tên đóng dấu.

Phía dưới bên trái:

- Số quyết định ... ngày ... tháng ... năm 20...
- Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm 20...

Phía dưới bên phải: Mã QR.



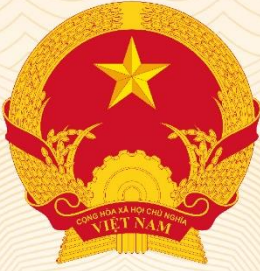
Kích thước tối thiểu: 2 × 2 cm; tùy theo bố cục có thể mở rộng không quá 3 × 3

cm để đảm bảo khả năng quét tốt.

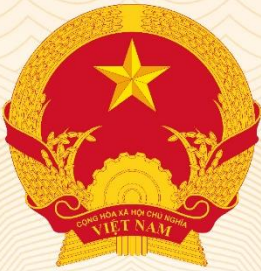
5. Giấy in: Giấy chứng nhận in trên giấy trắng định lượng từ 150 gram/m²; Chứng nhận các cấp sử dụng chung khổ giấy A4, kích thước dài 297mm, rộng 210mm, đường trang trí hoa văn dài 287mm, rộng 200mm (*sử dụng chiều đứng trang in*).

II. MẪU CỤ THỂ

1. Mẫu số 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>	
	
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.....	
CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU CẤP XÃ - NĂM 20.....	
TÊN SẢN PHẨM:	
ĐƠN VỊ SẢN XUẤT:	
ĐỊA CHỈ:	
....., ngày tháng năm 20.....	
CHỦ TỊCH (Ký tên và đóng dấu)	
Theo Quyết định số/QĐ-UBND, ngày / / Có giá trị đến ngày tháng năm 20.....	

2. Mẫu số 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>	
	
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....	
CHỨNG NHẬN	
SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU	
CẤP TỈNH - NĂM 20.....	
TÊN SẢN PHẨM:	
ĐƠN VỊ SẢN XUẤT:	
ĐỊA CHỈ:	
....., ngày..... tháng..... năm 20.....	
CHỦ TỊCH (Ký tên và đóng dấu)	
Theo Quyết định số...../QĐ-UBND, ngày...../...../..... Có giá trị đến ngày..... tháng..... năm 20.....	

3. Mẫu số 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>	
	
BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG	
CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU CẤP QUỐC GIA - NĂM 20.....	
TÊN SẢN PHẨM:	
ĐƠN VỊ SẢN XUẤT:	
ĐỊA CHỈ:	
....., ngày tháng năm 20.....	
BỘ TRƯỞNG (Ký tên và đóng dấu)	
Theo Quyết định số/QĐ-BCT, ngày / /	
Có giá trị đến ngày tháng năm 20.....	